

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 12 năm 2023
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ
2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: bà Sa Hoàng Nhật Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 ngày 11 ngày 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L. Sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản L, xã Ch L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lường Văn D, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản C, N, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin được xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 11 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày như sau:

Chị và anh Lường Văn D kết hôn với nhau từ năm 2020 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 24/03/2020 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D hay đi uống rượu về lại đánh chửi vợ cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù hai bên gia đình đã hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Đến năm 2021 anh chị đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân anh chị cũng không quan tâm hỏi han gì nhau. Trước đây, vợ chồng đã thống nhất thuận tình ly hôn nhưng sau đó anh D đi làm công nhân ở xa nên chị làm đơn xin ly hôn đơn phương. Nay chị xác định không thể chung sống được, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lường Thị Huyền Trang, sinh ngày 04/06/2020. Từ khi ly thân đến nay, cháu đang ở với chị, khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Huyền cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho bị đơn anh Lường Văn D về địa chỉ bản Cò Nòi, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn (nơi anh D đang sinh sống). Tuy nhiên, anh D không có mặt tại Tòa án làm việc. Tòa án đã tiến hành xác minh, xác định anh Lường Văn D đã được người thân thông báo biết việc Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của chị L nhưng do anh D đang đi làm xa nên không đến Tòa án. Tại buổi làm việc với gia đình anh D, Tòa án đã ghi lại ý kiến của anh D qua số điện thoại 0979.637.806. dưới sự chứng kiến của bà Lường Thị Máy (mẹ đẻ anh D), anh Lường Văn Biên (anh trai anh D) và ông Lò Văn Nam (Trưởng bản Cò Nòi). Qua trao đổi, anh D cho biết: Anh và chị Hà Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2020 nhưng chưa được tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của anh chị không hợp thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau đó anh chị đã sống ly thân vào năm 2021. Từ khi sống ly thân anh cũng đi làm công nhân trong Bình Dương thỉnh thoảng mới về. Gần đây, gia đình có thông báo nhận được giấy triệu tập của Tòa án, nhưng anh đang đi làm xa, không thể thu xếp thời gian đến Tòa án làm việc. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn vắng mặt.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Lường Thị Huyền Trang, sinh ngày 04/06/2020. Từ khi ly thân đến nay, cháu đang ở với chị L, khi ly hôn.

Anh đồng ý với nguyện vọng của chị L giao cháu Huyền Trang cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: anh D cũng xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung.

Do Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị L và anh Lương Văn D. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Huyền Trang, sinh ngày 04/06/2020. cho chị Hà Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh D đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lương Văn D có địa chỉ tại: Bản Cò Nòi, xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bị đơn theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh xác định bị đơn đã biết được nội dung chị L xin ly hôn tại Tòa án, thời gian và địa điểm Tòa án triệu tập làm việc thông qua người nhà hiện cư trú cùng bản nhưng bị đơn cố tình không có mặt tại Tòa án, không cung cấp chính xác địa chỉ mới. Qua trao đổi bằng số điện thoại do người nhà cung cấp, anh D đã thể hiện ý kiến quan điểm về việc chị L xin ly hôn, đồng thời khẳng định không thể thu xếp được thời gian tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Trước phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ **Điều 227** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Văn D. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp pháp nhiều lần đối với anh Lương Văn D, anh D không có mặt do vậy do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Lương Văn D tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2020, anh chị đã được UBND xã Chiềng Lương, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/03/2020. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, mỗi người một cách sống mà không thể nào dung hòa được với nhau. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Mặc dù gia đình đã hòa giải nhưng không thành nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D qua đại diện gia đình anh D, ban quản lý bản Cò Nòi (nơi hai vợ chồng sinh sống trước khi ly thân) đều xác định: Trong cuộc sống hôn nhân, anh D và chị L do mâu thuẫn về tính cách, vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng nên đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Vấn đề tài sản chung và nợ chung không có. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, trong thời gian sống ly thân anh chị không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị L, xử cho chị L được ly hôn với anh Lương Văn D.

[2.2] *Về con chung*: Anh chị đều xác nhận trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung là cháu Lương Thị Huyền Trang, sinh ngày 04/06/2020. Từ thời điểm ly thân năm 2021 đến nay, cháu Trang chung sống với chị Hà Thị L, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con khi ly hôn, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con cùng, anh D nhất trí giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, giao cháu Lương Thị Huyền Trang, sinh ngày 04/06/2020 cho chị Hà Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều xác định khẳng định không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này. Qua xác minh cũng xác định nội dung này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về án phí*: Chị L xin miễn án phí dân sự về việc xin ly hôn do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị L và anh Lương Văn D.
2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị Huyền Trang, sinh ngày 04/06/2020 cho chị Hà Thị L trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chấp nhận việc chị L không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh D được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh D được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung vợ chồng: Không có.
4. Về nợ chung vợ chồng: Không có.
5. Về án phí: Chị Hà Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Lương ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tềnh